

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 8, phố Hồ Xuân Hương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội là Doanh nghiệp nhà nước được thành lập bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106884077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 6 năm 2015, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Khuất Việt Hùng	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm phụ trách điều hành	Bổ nhiệm ngày 18/12/2024
Ông Vũ Hồng Trường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18/12/2024
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	

Kiểm soát viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Bà Đinh Thị Tú Anh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 02/01/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Hồng Trường	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 01/01/2025
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Nhuận	Kế toán trưởng	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 là ông Vũ Hồng Trường - Tổng Giám đốc và từ ngày 01/01/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Khuất Việt Hùng - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm phụ trách điều hành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng thành viên Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng thành viên được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng thành viên cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng thành viên xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng thành viên,



Khuất Việt Hùng

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 2712/2024/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên,
Kiểm soát viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

- Như đã trình bày thuyết minh số 4.5.2 - Chi phí trả trước dài hạn, Công ty đang theo dõi khoản chi phí liên quan đến hoạt động vận hành của Tuyến 3.1 trong năm số tiền 84.757.590.709 đồng do chưa nhận được quyết định phê duyệt đơn giá chính thức của việc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị năm 2024 tuyến 3.1 đoạn trên cao Nhổn – Cầu Giấy. Khoản mục trên cùng các khoản doanh thu, giá vốn và các khoản mục khác trên báo cáo tài chính có thể thay đổi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đơn giá.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.6 “Tài sản cố định” trên bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2024, Công ty đang tạm tăng nguyên giá tài sản nhận bàn giao từ dự án Đường sắt Đô thị Hà Nội, tuyến Nhổn – ga Hà Nội. Nguyên giá tài sản có thể thay đổi khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và đơn vị được bàn giao tương ứng.

Theo Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 08/09/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao tài sản dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh Hà Đông (tuyến 2A) theo đó giao Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội giá trị tài sản xác định theo giá tạm tính trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý dự án đường sắt thuộc Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư dự án là Bộ giao thông vận tải số tiền 2.667.837.265.589 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, do chủ sở hữu chưa phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty, do đó vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa được điều chỉnh.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 30 tháng 03 năm 2024.



NGUYỄN PHƯƠNG THÚY

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6521-2024-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.184.787.709.411	808.084.356.729
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	160.552.769.259	686.543.593.880
1. Tiền	111		45.552.769.259	166.543.593.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	520.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		730.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	730.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.528.282.468	120.407.038.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	356.073.976	305.527.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	290.172.208.492	120.101.511.749
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.706.657.684	1.133.724.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	3.508.602.312	1.133.724.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		198.055.372	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.483.701.309.446	2.227.274.204.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.667.726.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	-	6.667.726.000
II. Tài sản cố định	220		6.387.990.166.879	2.187.031.426.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.280.784.994.449	2.070.869.581.753
- Nguyên giá	222		7.114.729.373.218	2.535.812.764.244
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(833.944.378.769)	(464.943.182.491)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	107.205.172.430	116.161.844.746
- Nguyên giá	228		215.745.645.631	215.648.145.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.540.473.201)	(99.486.300.885)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		95.711.142.567	33.575.052.403
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	95.711.142.567	33.575.052.403
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.668.489.018.857	3.035.358.561.631

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.979.969.496.106	346.839.044.167
I. Nợ ngắn hạn	310		4.978.728.000.448	346.237.205.932
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	14.506.066.454	4.179.103.959
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	2.197.294.446	3.915.311.181
3. Phải trả người lao động	314		15.172.143.550	11.919.166.952
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	71.491.763.701	45.309.121.810
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.308.720.000	569.780.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	4.858.631.373.839	280.344.722.030
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		15.420.638.458	-
II. Nợ dài hạn	330		1.241.495.658	601.838.235
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.241.495.658	601.838.235
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.12	2.688.519.522.751	2.688.519.517.464
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.688.519.522.751	2.688.519.517.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.672.951.968.455	2.672.951.968.455
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.567.554.296	15.567.549.009
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		140.610.551	2.464.628.660
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.426.943.745	13.102.920.349
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.668.489.018.857	3.035.358.561.631

Người lập biểu
Hà Thị Lê Chi

Kế toán trưởng
Lê Thị Nhuận



Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khuất Việt Hùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	628.933.447.281	515.261.151.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		628.933.447.281	515.261.151.437
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	610.902.916.817	507.450.962.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.030.530.464	7.810.188.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	24.824.688.946	26.598.721.145
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	22.467.201.253	18.070.733.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.388.018.157	16.338.176.199
11. Thu nhập khác	31		103.293.512	40.474.237
12. Chi phí khác	32	5.4	396.901.879	-
13. Lợi nhuận khác	40		(293.608.367)	40.474.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.094.409.790	16.378.650.436
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	4.667.466.045	3.275.730.087
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.426.943.745	13.102.920.349



Người lập biểu
Hà Thị Lê Chi



Kế toán trưởng
Lê Thị Nhuận



Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khuất Việt Hùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.094.409.790	16.378.650.436
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		378.055.368.594	257.458.871.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.824.688.946)	(26.598.721.145)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		373.325.089.438	247.238.800.691
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(160.445.930.334)	217.113.645.963
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		41.836.589.506	(38.056.391.192)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(64.510.968.376)	118.630.489.734
- Thuế TNDN đã nộp	15		(6.538.414.193)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		183.666.366.041	544.926.545.196
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(782.961.800)	(1.027.218.778)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(730.000.000.000)	(80.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	110.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.125.771.138	24.771.173.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(709.657.190.662)	53.743.954.422
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(525.990.824.621)	598.670.499.618
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		686.543.593.880	87.873.094.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		160.552.769.259	686.543.593.880

Người lập biểu
Hà Thị Lê Chi

Kế toán trưởng
Lê Thị Nhuận



Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khuất Việt Hùng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội là Doanh nghiệp nhà nước được thành lập bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106884077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 6 năm 2015, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16/01/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 19/6/2015 là: 1.781.817.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm tám mươi một tỷ, tám trăm mười bảy triệu đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hồ Xuân Hương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa máy và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường sắt đô thị.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt:
 - + Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị;
 - + Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Vận tải hành khách trong nội thành bằng đường sắt đô thị.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.5 Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công Ty TNHH MTV Đường Sắt Hà Nội – Xí nghiệp Vận hành tuyến Đường sắt Đô thị số 2A, Cát Linh – Hà Đông	Khu Depot Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Chi nhánh Công Ty TNHH MTV Đường Sắt Hà Nội – Xí nghiệp Vận hành tuyến Đường sắt Đô thị số 3, Nhổn – Ga Hà Nội	Khu Depot Nhổn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.4 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

3.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

3.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	564.799.560	1.070.892.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.987.969.699	165.472.701.880
Các khoản tương đương tiền	115.000.000.000	520.000.000.000
	160.552.769.259	686.543.593.880

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	730.000.000.000	730.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	730.000.000.000	730.000.000.000	-	-
	730.000.000.000	730.000.000.000	-	-

(i) Tại thời điểm cuối năm, công ty có khoản tiền gửi tại các ngân hàng, có kỳ hạn 6-12 tháng, lãi suất 3,8%-4,3%/năm.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đội vận hành ga Tuyến 2A	172.963.439	305.527.000
Đội vận hành ga Tuyến 3.1	183.110.537	-
	356.073.976	305.527.000

4.4 Phải thu khác

4.4.1 Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi phí đào tạo lái tàu tuyến số 3.1	-	-	6.667.726.000	-
	-	-	6.667.726.000	-

4.4.2 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng CBNV	4.087.727.765	-	2.045.672.000	-
Doanh thu trợ giá tuyến 2A (i)	180.078.927.343	-	115.486.704.286	-
Doanh thu trợ giá tuyến 3.1 (i)	98.118.460.801	-	-	-
Lãi dự thu	6.163.287.671	-	2.464.369.863	-
Các khoản phải thu khác	1.723.804.912	-	104.765.600	-
	290.172.208.492	-	120.101.511.749	-

(i) Doanh thu trợ giá chưa được thanh toán theo quy định của Hợp đồng đặt hàng và phụ lục hợp đồng giữa Trung tâm điều hành và quản lý giao thông công cộng thành phố Hà Nội và Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội.

4.5 Chi phí trả trước

4.5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.508.602.312	1.133.724.100
	3.508.602.312	1.133.724.100

4.5.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí hoạt động tuyến 2A	-	33.575.052.403
Kinh phí hoạt động tuyến 3.1	84.757.590.709	-
Các khoản khác	10.953.551.858	-
	95.711.142.567	33.575.052.403

4.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	294.395.192	815.830.965.934	1.718.106.060.118	1.581.343.000	2.535.812.764.244
Tăng trong năm	-	324.858.436	-	360.603.364	685.461.800
Mua trong năm	-	1.032.576.247.807	3.545.654.899.367	-	4.578.231.147.174
Tăng do bán giao (i)					
Số dư cuối năm	294.395.192	1.848.732.072.177	5.263.760.959.485	1.941.946.364	7.114.729.373.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	79.652.000	214.817.437.694	248.891.047.797	1.155.045.000	464.943.182.491
Tăng trong năm	49.044.000	155.820.935.572	212.974.700.536	156.516.170	369.001.196.278
Khấu hao trong năm					
Số dư cuối năm	128.696.000	370.638.373.266	461.865.748.333	1.311.561.170	833.944.378.769
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	214.743.192	601.013.528.240	1.469.215.012.321	426.298.000	2.070.869.581.753
Số dư cuối năm	165.699.192	1.478.093.698.911	4.801.895.211.152	630.385.194	6.280.784.994.449

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 0 VND, tại 01/01/2024 là 0 VND

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 0 VND, tại ngày 01/01/2024 là 0 VND.

(i) Là tài sản công ty tạm tăng theo phụ lục số 06 biên bản giao, tiếp nhận tài sản công kèm theo biên bản bàn giao công trình hòa thành giữa MRB, PIC và HMC và theo công văn số 5338/STC-TCĐN ngày 04/09/2024 về việc khấu hao 10 đoàn tàu Tuyến đường sắt đô thị thi điểm thành phố Hà Nội, đoạn ga Nhôn – ga Hà Nội.

4.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	135.804.074.766	79.844.070.865	215.648.145.631
Tăng trong năm			
Mua trong năm	97.500.000	-	97.500.000
Số dư cuối năm	135.901.574.766	79.844.070.865	215.745.645.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	19.642.230.020	79.844.070.865	99.486.300.885
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm	9.054.172.316	-	9.054.172.316
Số dư cuối năm	28.696.402.336	79.844.070.865	108.540.473.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	116.161.844.746	-	116.161.844.746
Số dư cuối năm	107.205.172.430	-	107.205.172.430

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 30.490.000 VND, tại 01/01/2024 là 30.490.000 VND.

Tài sản cố định vô hình được hình thành từ dự án hỗ trợ kỹ thuật "Tăng cường năng lực cơ quan quản lý đường sắt đô thị Hà Nội và thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội" do JICA tài trợ theo Quyết định 1971/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 phê duyệt dự án, Quyết định số 1713/QĐ-STC ngày 23/3/2017 về việc phê duyệt quyết toán phần vốn đối ứng trong nước Dự án tăng cường năng lực cơ quan quản lý đường sắt đô thị Hà Nội và thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến đường sắt đô thị Hà Nội và thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo đó giá trị phần vốn nhà tài trợ xác nhận, bàn giao tại Văn bản số 2127.2016/IICA-IF của JICA (Văn phòng Việt Nam của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản), Công ty có trách nhiệm tiếp nhận và ghi tăng giá trị tài sản tương ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính. Theo Văn bản 2127.2016/IICA-IF ngày 19/10/2026, tổng chi phí vốn ODA tài trợ cho Dự án được thực hiện trong 3 năm (từ tháng 2 năm 2013 đến tháng 2 năm 2016) là 364.726.000 JPY.

4.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Liên danh An ninh Thăng Long - HDC	-	-	988.913.635	988.913.635
Công ty TNHH Bảo vệ HDC	4.806.718.260	4.806.718.260	-	-
Công ty CP Biotech Group Việt Nam	2.737.966.778	2.737.966.778	-	-
Trường Cao đẳng Đường sắt	1.300.000.000	1.300.000.000	83.000.000	83.000.000
Phải trả người bán	5.661.381.416	5.661.381.416	3.107.190.324	3.107.190.324
	14.506.066.454	14.506.066.454	4.179.103.959	4.179.103.959

4.9 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược	-	16.000.000
Kinh phí công đoàn	167.770.948	119.041.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.858.463.602.891	280.209.680.310
<i>Ngân sách nhà nước</i>	<i>212.162.126.000</i>	<i>212.162.126.000</i>
<i>Nguyên giá tạm tăng tuyến 3.1 (*)</i>	<i>4.578.231.147.174</i>	-
<i>Dự án hỗ trợ quản lý, vận hành khai thác tuyến ĐSĐT Cát Linh - Hà Đông</i>	<i>67.992.862.848</i>	<i>67.992.862.848</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>77.466.869</i>	<i>54.691.462</i>
	<u>4.858.631.373.839</u>	<u>280.344.722.030</u>

(*) Là tài sản công ty tạm tăng theo phụ lục số 06 biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công kèm theo biên bản bàn giao công trình hòa thành giữa MRB, PIC và HMC và theo công văn số 5338/STC-TCĐN ngày 04/09/2024 về việc khấu hao 10 đoàn tàu Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn ga Nhổn – ga Hà Nội.

4.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ lương người quản lý 20% chưa chi	713.951.538	882.829.138
Liên danh Xây dựng Đường sắt Trung Quốc - Metro Bắc kinh	-	44.372.742.672
Trích trước lương chuyên gia	-	53.550.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	70.315.000.000	-
Các khoản khác	462.812.163	-
	<u>71.491.763.701</u>	<u>45.309.121.810</u>

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	52.889.463	52.889.463	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.891.887.251	4.667.466.045	6.538.414.193	-	2.020.939.103
Thuế thu nhập cá nhân	-	23.423.930	617.305.423	464.374.010	-	176.355.343
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	274.491.606	274.491.606	-	-
	-	3.915.311.181	5.612.152.537	7.330.169.272	-	2.197.294.446

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12 Vốn chủ sở hữu

4.12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	5.114.702.865	2.464.628.660	2.464.628.660	31.913.525.000	39.492.856.525		
Tăng vốn	2.667.837.265.590	-	-	-	2.667.837.265.590		
Lợi nhuận trong năm trước	-	13.102.920.349	13.102.920.349	-	13.102.920.349		
Hao mòn TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	-	-	-	(31.913.525.000)	(31.913.525.000)		
Số dư cuối năm trước	2.672.951.968.455	15.567.549.009	15.567.549.009	-	2.688.519.517.464		
Số dư đầu năm nay	2.672.951.968.455	15.567.549.009	15.567.549.009	-	2.688.519.517.464		
Lợi nhuận trong năm nay	-	15.426.943.745	15.426.943.745	-	15.426.943.745		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(15.426.938.458)	(15.426.938.458)	-	(15.426.938.458)		
Số dư cuối năm nay	2.672.951.968.455	15.567.554.296	15.567.554.296	-	2.688.519.522.751		



Theo đề án thành lập Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt đồng ý tại Văn bản 2268/TTg-ĐMDN ngày 13/11/2014, vốn điều lệ của Công ty là 1.781.817.000.000 đồng. Cơ cấu Vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ	=	Chi phí vốn đối ứng của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật tăng	+	100% Chi phí phương tiện, thiết bị (không bao gồm chi phí phần hạ tầng) của Tuyến 2A.
Tương ứng 1.781.817 triệu VND	=	8.603 triệu VND	+	1.781.817 triệu VND

(i) Bao gồm:

- Nguồn vốn đối ứng từ Ngân sách của Thành phố để thực hiện Dự án (Theo Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 về Quyết định phê duyệt Dự án HTKT "Tăng cường năng lực Cơ quan quản lý ĐSĐT HN và Thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến ĐSĐT trên địa bàn Thành phố Hà Nội"). Năm 2017, Công ty đã được Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt quyết toán phần vốn đối ứng và bàn giao tài sản của dự án theo Quyết định số 1713/QĐ-STC ngày 23 tháng 03 năm 2017, theo đó Công ty ghi nhận Vốn điều lệ tương ứng với tài sản hoàn thành nhận bàn giao từ dự án là 4.261.309.865 đồng;

- Nguồn vốn đối ứng ngân sách thành phố Hà Nội dự án hỗ trợ kỹ thuật về truyền thông cho mạng lưới đường sắt đô thị Hà Nội do ADB tài trợ theo Thông báo số 959/TB-STC ngày 31/01/2019 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thẩm tra, xác nhận quyết toán kinh phí số tiền 853.393.000 đồng.

(ii) Theo Quyết định 4508/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao tài sản dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh Hà Đông (tuyến 2A), theo đó giao Công ty TNHH MTV đường sắt Hà Nội giá trị tài sản xác định theo giá tạm tính trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý dự án đường sắt thuộc Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư dự án là Bộ Giao thông vận tải là 2.667.837.265.589 đồng, gồm:

(1) Chi phí mua sắm đoàn tàu: 1.717.264.300.118 đồng;

(2) Chi phí thiết bị: 814.799.380.705 đồng gồm hệ thống thiết bị công nghệ bảo dưỡng đoàn tàu là 470.886.431.881 đồng và hệ thống AFC là 343.912.948.825 đồng;

(3) Đào tạo và chuyển giao công nghệ: 135.773.584.766 đồng.

(ii) Theo Quyết định số 1713/QĐ-STC ngày 23/3/2017 về việc phê duyệt quyết toán phần vốn đối ứng trong nước Dự án tăng cường năng lực cơ quan quản lý đường sắt đô thị Hà Nội và thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến đường sắt đô thị Hà Nội và thành lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo đó giá trị phần vốn nhà tài trợ xác nhận, bàn giao tại Văn bản số 2127. 2016/IICA-IF của IICA (Văn phòng Việt Nam của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản), Công ty có trách nhiệm tiếp nhận và ghi tăng giá trị tài sản tương ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính. Theo Văn bản 2127.2016/IICA-IF ngày 19/10/2026, tổng chi phí vốn ODA tài trợ cho Dự án được thực hiện trong 3 năm (từ tháng 2 năm 2013 đến tháng 2 năm 2016) là 364.726.000 JPY. Công ty hạch toán tăng tài sản cố định vô hình, nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định và hàng năm thực hiện phân bổ khấu hao, ghi giảm nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định.

(v) Theo Văn bản 673/CV-ĐSHN ngày 18/9/2023 của Công ty TNHH MTV đường sắt Hà Nội đã báo cáo UBND Thành phố Hà Nội và Sở Tài chính Hà Nội về việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty, theo đó vốn điều lệ điều chỉnh của Công ty là 2.672.098.575.454 đồng bao gồm tài sản bàn giao dự án là 2.661.837.265.589 đồng và dự án HTKT "Tăng cường năng lực Cơ quan quản lý ĐSĐT HN và Thành

23/10/2023
CƠ QUAN
Đ
C
/4A

lập Công ty vận hành bảo dưỡng các tuyến ĐSDT trên địa bàn Thành phố Hà Nội" là 4.261.309.865 đồng.

4.12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	2.672.951.968.455	100%	2.672.951.968.455	100%
	2.672.951.968.455	100%	2.672.951.968.455	100%

4.12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.672.951.968.455	5.114.702.865
Vốn góp tăng trong năm	-	2.667.837.265.590
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.672.951.968.455	2.672.951.968.455

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.680.391.000	74.029.534.000
Doanh thu trợ giá	539.253.056.281	441.231.617.437
	628.933.447.281	515.261.151.437

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ vận tải đường sắt tuyến 2A Cát Linh-Hà Đông	472.416.344.637	507.450.962.483
Giá vốn dịch vụ vận tải đường sắt tuyến 3.1 Nhổn - Ga Hà Nội	138.486.572.180	-
	610.902.916.817	507.450.962.483

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.824.688.946	26.598.721.145
	24.824.688.946	26.598.721.145

5.4 Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Các chi phí khác	396.901.879	-
	396.901.879	-
5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.680.389.770	11.773.677.584
Chi phí vật liệu quản lý	2.130.291.918	734.698.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	399.959.621	300.084.522
Chi phí khấu hao TSCĐ	136.382.690	104.430.000
Thuế, phí và lệ phí	32.363.668	26.880.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.042.407	513.392.934
Trích quỹ khoa học công nghệ	639.657.423	506.556.199
Chi phí khác	4.786.113.756	4.111.013.761
	22.467.201.253	18.070.733.900
5.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	4.136.451.332	3.275.730.087
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	531.014.713	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.667.466.045	3.275.730.087
(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành:		
(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	20.094.409.790	16.378.650.436
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	587.846.870	-
Các khoản điều chỉnh tăng	587.846.870	-
Chi phí hóa đơn rủi ro	190.944.991	-
Tiền phạt chậm nộp hạch toán 811	396.901.879	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.682.256.660	16.378.650.436
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	4.136.451.332	3.275.730.087
Thuế TNDN được miễn, giảm		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.136.451.332	3.275.730.087

5.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.409.143.563	734.698.900
Chi phí nhân công	133.121.828.988	110.885.605.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.297.777.885	225.545.346.400
Thuế, phí và lệ phí	32.363.668	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.075.420.583	65.273.988.447
Chi phí khác bằng tiền	149.098.033.382	123.082.056.816
	634.034.568.069	525.521.696.383

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty không có thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Tài sản, nợ tiềm tàng

Công ty đang ghi nhận đơn giá tạm tính công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng tuyến đường sắt đô thị Hà Nội và đơn giá cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị theo giá tạm tính. Khi nhận được đơn giá chính thức doanh thu giá vốn và các tài khoản khác liên quan của đơn vị có thể thay đổi tương ứng.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tiền lương, thưởng của các thành viên chủ chốt:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thù lao	1.895.397.685	1.211.635.309

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm, Công ty không có giao dịch với các thành viên chủ chốt.

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Trong năm, công ty không phát sinh giao dịch và số dư với bên liên quan

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

7.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng thành viên Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng thành viên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Một số chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	Số liệu trên BCKT năm 2023	Số trình bày lại	Chênh lệch
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
2	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80.000.000.000)	-	80.000.000.000

Người lập biểu
Hà Thị Lệ Chi

Kế toán trưởng
Lê Thị Nhuận



Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khuất Việt Hùng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025